

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

- Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST
- Ngày 29 tháng 01 năm 2021
- V/v: “ Xin ly hôn ”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Liễu.
- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hợp
2. Bà Trần Tuyết Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên tòa: **Bà Phạm Thị Kim Trinh** - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công - Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 327/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về: “ Xin ly hôn ”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **171/2020/QĐXXST** -HNGĐ ngày **28** tháng **12** năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trương Thị Thuỳ Tr**, sinh năm 1978 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: ST/T Khu phố B, Phường B, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh **Trần Đức L**, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: BH VTL, khu phố N, phường B, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

* Theo đơn xin ly hôn ngày **02/11/2020** và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị **Trương Thị Th Tr** trình bày: Chị và anh **Trần Đức L** tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới và được Ủy ban nhân dân phường 4, thị xã Gò Công cấp giấy chứng nhận kết hôn năm **2000**. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2003 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh L không lo làm ăn, không lo cho vợ con và vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị và anh L đã ly thân từ năm 2004 cho đến nay. Trong thời gian này vợ chồng không có trao đổi hàn gắn tình cảm. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên **Trần Ngọc Th**, sinh ngày **26/6/2002**, đã trưởng thành.

- Về tài sản chung : Không có.

- Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Trần Đức L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh L không đến dự phiên tòa cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc chị Tr xin ly hôn với anh. Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Dại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: **Chị** Trương Thị Th Tr có đơn đề nghị giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Trần Đức L địa chỉ khu phố N, phường B, thị xã Gò Công, Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Chị Trương Thị Th Tr có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Trần Đức L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do, vì vậy căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Tr và anh L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: **Chị** Trương Thị Th Tr và anh Trần Đức L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường 4, cấp giấy chứng nhận kết hôn năm **2000** là hôn nhân hợp pháp. Nay chị Tr yêu cầu ly hôn cần được xem xét giải quyết theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị Th Tr là có cơ sở bởi thời gian chung sống giữa vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, chị Tr cho rằng nguyên nhân do anh L không lo làm ăn, không lo cho vợ con và vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị và anh L đã ly thân từ năm 2004 cho đến nay. Trong thời gian này vợ chồng không có trao đổi hàn gắn tình cảm. Hơn nữa, khi chị Tr xin ly hôn, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh L không đến để trình bày ý kiến về việc chị Tr xin ly hôn, chứng tỏ anh L cũng không còn thiết tha hàn gắn tình cảm với chị Tr.

Xét thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận cho **chị Tr** được ly hôn với **anh L** là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Ngọc Th, sinh ngày 26/6/2002, đã trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

- Về án phí: Chị Trương Thị Th Tr là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Th Trang.**

1. Về hôn nhân: Chị Trương Thị Th Tr được ly hôn với anh Trần Đức L.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Ngọc Th, sinh ngày 26/6/2002, đã trưởng thành.

3. Về án phí: Chị Trương Thị Th Tr phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số **0019106** ngày **05/11/2020** của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công. Như vậy, chị Trương Thị Th Tr đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trương Thị Th Trang, anh Trần Đức L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND TXGC;
- CCTHADS TXGC;
- Các đương sự;
- UBND Phường 4;
- Lưu án văn, hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN THỊ BÍCH LIỄU